

Số: 140/2026/QĐST-HNGĐ

An Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 2004; CCCD số: 091304010863; Địa chỉ: **Khu phố Ô, đặc khu P, tỉnh An Giang**.

- **Bị đơn:** Anh **Phù Hải P**, sinh năm 1999; CCCD số: 091099006204; Địa chỉ: **Khu phố R, đặc khu P, tỉnh An Giang**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trần Thị Thu H** và anh **Phù Hải P** (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 25/7/2023 của **UBND xã xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, nay là đặc khu P, tỉnh An Giang**).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về con chung: Có 01 người con chung tên **Phù Minh K**, sinh ngày 16/12/2023. Chị **H** và anh **P** thống nhất thoả thuận giao cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **H** không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh **P** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **P**.

Chị **H** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **P** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con chung.

c. Về tài sản chung và công nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Thu H** và anh **Phù Hải P** xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị **Trần Thị Thu H** và anh **Phù Hải P** cam kết không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này chủ nợ có căn cứ chứng minh chị **H** và anh **P** có nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để giải quyết theo thẩm quyền.

d. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Thuận tình ly hôn chị **H** và anh **P** mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí không giá ngạch. Chị **H** tự nguyện nộp thay anh **P**. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 305607 ngày 20/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang. Chị **H** được nhận lại 450.000 đồng. Anh **P** không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV 2 – An Giang;
- UBND đặc khu Phú Quốc;
- PTHADS KV2- An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Hồ Văn Bình